

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VÀ CÂY CÓ ĐỘC CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VÙNG NÚI TAM ĐẢO

Hà Minh Tâm^{1*}, Nguyễn Thế Cường², Mai Thanh Hòa³

¹Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2,

²Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam,

³Trường Đại học Tây Bắc

TÓM TẮT

Vùng núi Tam Đảo không chỉ là nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loài cây thuốc và cây có độc mà còn là khu vực sinh sống của nhiều cộng đồng các dân tộc thiểu số như Sán Dìu, Sán Chí, Dao, Tày, Nùng, Cao Lan,... Do tác động của con người, nguồn tài nguyên cây thuốc, tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc tại đây đang đứng trước nguy cơ bị suy giảm và thất truyền. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm bảo tồn và phát huy tri thức truyền thống của cộng đồng trong việc sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc trong khu vực. Bằng phương pháp điều tra, nghiên cứu thực vật dân tộc học, kết hợp các phương pháp điều tra cây thuốc truyền thống, chúng tôi đã xác định được 253 loài cây thuốc và cây độc được các dân tộc thiểu số ở núi khu vực Tam Đảo sử dụng. Trong số đó, 15 loài được ghi nhận là thực vật bị đe dọa. Cây thuốc điều trị viêm xương khớp là tỷ lệ cao nhất, chiếm 22,09%; điều trị rối loạn tiêu hóa 21,29%; điều trị bệnh gan 19,28%; điều trị bệnh suy thận 14,06%; và các nhóm khác chiếm 23,27% tổng số loài. Về cách sử dụng, phơi khô và đun sôi trong nước để uống bao gồm 187 loài; đun sôi trong nước để tắm có 33 loài; đập, nghiền nát rửa vết thương gồm 22 loài; 12 loài nghiền để uống; và 9 loài dùng để ngâm rượu để uống hoặc xoa bóp.

Từ khóa: Cây thuốc; cây có độc; dân tộc thiểu số; tài nguyên cây thuốc; vùng núi Tam Đảo

Ngày nhận bài: 22/8/2020; Ngày hoàn thiện: 01/10/2020; Ngày đăng: 21/10/2020

MEDICINAL AND POISONOUS PLANT DIVERSITY OF THE ETHNIC MINORITIES IN TAM DAO MOUNTAIN AREA

Hà Minh Tâm^{1*}, Nguyen The Cuong², Mai Thanh Hoa³

¹Hanoi Pedagogical University 2,

²Institute of Ecology and Biological Resources – VAST,

³Tay Bac University

ABSTRACT

Tam Dao mountainous area not only comprises high biodiversity with many medicinal and poisonous plants, but also is the habitat of ethnic minority communities such as San Diu, San Chi, Dao, Tay, Nung, Cao Lan,... Due to human impacts, medicinal plant resources, knowledge and experience of using medicinal plants of ethnic minorities in that area have been facing the risk of decline and loss. This study was conducted to conserve and promote the traditional knowledge in using of medicinal plant resources in the area. With the ethnobotanical method, combined with the traditional medicinal plant investigation methods, we have determined 253 medicinal and poisonous plant species used by ethnic minorities in Tam Dao mountain area. Of which, 15 species were recorded as threatened plants. Medicinal plants for treatment of osteoarthritis have the highest rate, accounting for 22.09%; followed by those for treatment of gastrointestinal disease with 21.29%; treatment of liver disease with 19.28%; treatment of kidney disease with 14.06%; and the other groups accounted for 23.27% of the total species. About usage, drying and boiling in water for drink comprises 187 species; 33 species are used by boiling in water for showering; 22 species are pounded and crushed to wash wounds; 12 species are crushed for drink; 9 species are soaked with alcohol for drink or massage.

Keywords: Medicinal plant; poisonous plant; ethnic minorities; medicinal resources; Tam Dao mountain area

Received: 22/8/2020; Revised: 01/10/2020; Published: 21/10/2020

* Corresponding author. Email: haminhtam@hpu2.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Vùng núi Tam Đảo nằm trong địa phận của 5 huyện thuộc 3 tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Dãy núi Tam Đảo có trên 20 đỉnh núi được nối với nhau bằng các đường đông tạo nên một bức bình phong chắn gió mùa Đông Bắc cho vùng đồng bằng Bắc Bộ [1]. Đến nay đã thống kê được hệ thực vật rừng Tam Đảo có 1.586 loài, thuộc 833 chi, trong 211 họ (chi tính thực vật bậc cao có mạch) [1]. Trong số này, nhiều loài cây thuốc mang nguồn gen quý hiếm và nguy cấp được Sách Đỏ Việt Nam ghi nhận, cần ưu tiên trong bảo tồn. Đồng thời, nơi đây còn là nơi lưu giữ nguồn tri thức bản địa về sử dụng các loài cây thuốc và cây có độc của cộng đồng các dân tộc [2]-[4]. Tuy nhiên do tác động tiêu cực của con người, nguồn tài nguyên cây thuốc đang bị suy giảm, tri thức bản địa nơi đây cũng đang bị suy giảm và thất truyền. Do đó, chúng tôi tiến hành điều tra, đánh giá đa dạng các loài cây thuốc và các loài cây có độc của cộng đồng các dân tộc thiểu số tại vùng núi Tam Đảo nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu cho việc tìm kiếm các loài có hoạt tính sinh học và đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài cây thuốc và cây có độc của cộng đồng các dân tộc thiểu số (Sán Dìu, Dao, Cao Lan...) tại vùng núi Tam Đảo.

Phương pháp điều tra theo tuyến được lựa chọn để thực hiện điều tra thành phần loài cũng như trạng thái các kiểu thảm thực vật nơi có các loài cây thuốc sinh sống. Phương

pháp phỏng vấn có sự tham gia của người dân, đặc biệt là những người có kinh nghiệm trong việc khám chữa bệnh bằng đông y. Phiếu điều tra áp dụng theo Gary J. Martin [5], Nguyễn Thượng Dong & al. [6]. Các nhóm bệnh dựa theo Danh mục bệnh y học cổ truyền (Ban hành kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BYT ngày 31/3/2016 của Bộ Y tế [7], Prosea (2000-2003) [8]. Các mẫu thực vật được thu thập, xử lý và bảo quản theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn [9]. Các loài được định loại theo phương pháp hình thái so sánh. Hiện trạng của các loài đánh giá theo tiêu chí của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ [10], Sách đỏ Việt Nam Phần II – Thực vật (2007) [11].

Bản đồ nền được sử dụng là bản đồ địa hình và bản đồ hiện trạng rừng, tỉ lệ 1:250000. Ảnh vệ tinh được sử dụng là ảnh Landsat 8 (năm 2019). Nhập và chỉnh sửa số liệu trong phòng Shape. Sử dụng phần mềm ArcGIS, thành lập bản phân bố các loài thực vật quý hiếm 2019.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Đa dạng về thành phần loài cây thuốc của cộng đồng dân tộc

Qua nghiên cứu, chúng tôi đã xác định được các loài cây thuốc của đồng bào dân tộc ở vùng núi Tam Đảo gồm 253 loài thuộc 198 chi, 95 họ. Trong đó, ngành Thông đất (Lycopodiophyta) (1 họ, 2 chi, 2 loài), Dương xỉ (Polypodiophyta) (4 họ, 4 chi, 4 loài), Hạt trần (Gymnospermae) (1 họ, 1 chi, 2 loài) và ngành Hạt kín (Angiospermae) (89 họ, 191 chi, 245 loài) (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng cây thuốc và cây có độc của đồng bào dân tộc ở Tam Đảo

Stt	Ngành	Số họ	Số chi	Số loài	Tỉ lệ % số loài
1	Dương xỉ (Polypodiophyta)	4	4	4	1,58
2	Thông đất (Lycopodiophyta)	1	2	2	0,79
3	Hạt trần (Gymnospermae)	1	1	2	0,79
4	Hạt kín (Angiospermae)	89	191	245	96,84
	TỔNG	95	198	253	100

So với tổng số loài cây thuốc được ghi nhận tại vườn quốc gia (VQG) Tam Đảo [1] số loài cây thuốc được sử dụng bởi cộng đồng dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30% tổng số loài.

3.2. Đa dạng về cách sử dụng cây thuốc điều trị các nhóm bệnh

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đồng bào dân tộc thiểu số đã sử dụng các cây thuốc để chữa rất nhiều các loại bệnh khác nhau thể hiện được phần nào sự đa dạng các nhóm bệnh. Trong đó cây thuốc chữa các bệnh xương khớp có tỉ lệ cao nhất (22,09%). Tiếp đến là các bệnh về đường tiêu hóa với tỉ lệ 21,29% tổng số loài. Các loại cây thuốc dùng để chữa bệnh về gan chiếm tỉ lệ 19,28% tổng số loài và các loại chữa bệnh về thận chiếm tỉ lệ 14,06%. Các nhóm bệnh còn lại như viêm đường tiết niệu, liệt nửa người, teo não, tổ đũa, zonal thần kinh có tỉ lệ khoảng 23,27% tổng số loài.

Các cây thuốc chủ yếu được dùng để chữa 1 bệnh, với 151 loài (chiếm tỉ lệ 59,7%), số loài chữa 2 nhóm bệnh là 81 (chiếm tỉ lệ 32%) và có 21 loài chữa được 3 nhóm bệnh trở lên.

Qua quá trình điều tra, nghiên cứu về các bộ phận cây thuốc được cộng đồng sử dụng, chúng tôi đã thống kê được số lượng các bộ phận cũng như số lượng loài được sử dụng để làm thuốc. Kết quả được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Các bộ phận được sử dụng nhiều nhất

Stt	Bộ phận được sử dụng	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Thân	101	39,9
2	Lá cây	97	37,2
6	Cả cây	76	30,0
7	Rễ cây	35	13,8
8	Vỏ (thân, rễ)	28	11,1
3	Quả	20	7,9
4	Củ	16	6,3
5	Hoa	4	1,6
9	Nhựa	1	0,4
10	Lông	1	0,4

Qua bảng 2, chúng tôi thống kê được 10 nhóm bộ phận cây thuốc được sử dụng. Nhiều nhất là sử dụng thân với 101 loài, chiếm tỉ lệ 39,9% tổng số loài. Các loài cây có thân được

sử dụng phổ biến như: Dây đau xương (*Tinospora sinensis*), Na rừng (*Kadsura coccinea*), Bỏ béo đen (*Goniothalamus vietnamensis*), Dị sâm (*Heteropanax fragrans*), Chân chim (*Schefflera* spp.)... Bộ phận sử dụng nhiều thứ 2 là lá với số lượng là 97 loài chiếm tỉ lệ 37,2% tổng số loài. Các loài cây được sử dụng lá phổ biến nhiều như các loài Chè (*Camellia* spp.), Chè dung (*Symplocos cambodiana*), Nhài (*Jusminum* spp.)... Cả cây cũng được sử dụng nhiều với số lượng là 76 loài chiếm tỉ lệ 30,0% tổng số loài. Các loài được sử dụng cả cây chủ yếu là các loài cây bụi nhỏ hoặc các loài cây thảo, một số loài được sử dụng phổ biến như các loài họ Tầm gửi (*Loranthaceae*), Nhân trần (*Adenosma caeruleum*), Cà gai leo (*Solanum procumbens*)... Rễ cây chỉ có 35 loài được sử dụng chiếm 13,8% tổng số loài, chủ yếu là các loài có rễ củ như Đảng sâm (*Codonopsis javanica*), Ba kích (*Morinda officinalis*), Bách bộ (*Stemona tuberosa*)... Các bộ phận còn lại như vỏ, quả, hoa, hạt, nhựa, lông có tỷ lệ sử dụng thấp hơn.

Về cách thức sử dụng, chúng tôi đã thống kê được 11 nhóm cách thức sử dụng cây thuốc khác nhau. Cộng đồng dân tộc trong khu vực nghiên cứu chủ yếu sử dụng cây thuốc theo cách truyền thống, đơn giản, dễ chế biến. Cây thuốc chủ yếu được phơi khô và sắc nước uống với 187 loài (chiếm tới 73,9%). Phương thức sử dụng chiếm tỉ lệ cao thứ 2 là đun nước tắm có 33 loài, chủ yếu là chữa các bệnh ngoài da, chữa cảm mạo hoặc dùng sau khi ốm khỏi... Phương thức phổ biến thứ ba là giã, vò nát đắp hoặc rửa vết thương có 22 loài, phương thức này chủ yếu là trị vết thương hở, ngoài da. Phương thức sử dụng thứ tư là vò tươi để uống có 12 loài, chủ yếu là chữa các bệnh về đường tiêu hóa, chữa rắn cắn... Phương thức sử dụng thứ 5 là ngâm rượu uống hoặc xoa bóp có 9 loài, chủ yếu là chữa các bệnh về xương khớp, bồi bổ sức khỏe...; tiếp đến là các cách sử dụng khác... (Bảng 3).

Bảng 3. Cách sử dụng cây thuốc

Stt	Cách sử dụng	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Phơi khô, sắc nước uống	187	73,9
2	Đun nước tắm	33	13,0
3	Giã, vò nát đắp, rửa vết thương	22	8,7
4	Vò tươi, đun lá tươi uống	12	4,74
5	Ngâm rượu	9	3,5
6	Nghiền bột, nấu ăn	8	3,2
7	Giã lấy nước bôi	8	3,2
8	Làm thuốc diệt chuột, chấy (độc)	5	2,0
9	Giã nhỏ, sắc nước ngâm	3	1,2
10	Thái miếng, phơi khô ăn	3	1,2
11	Nấu cao	3	1,2

3.3. Một số cây có độc phổ biến và cách sử dụng

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, có 9 loài cây độc ở vùng núi Tam Đảo được cộng đồng dân tộc thiểu số sử dụng phổ biến với các mục đích khác nhau. Các loài cây độc được đồng bào dân tộc nơi đây sử dụng rất đa dạng về công dụng, cách thức cũng như các bộ phận sử dụng. Có loài dùng để đập dập bỏ xuống suối để duốc cá như Dây mật (*Derris elliptica*), Ba đậu (*Croton tiglium*) hay Chẹo (*Engelhardtia roxburghiana*).

Một số loài cây độc cho người được dùng để chữa bệnh như Lá ngón (*Gelsemium elegans*)

một loài cây rất độc vẫn được sử dụng để chữa eczema, phong; Hương bài (*Dianella ensifolia*) được người dân tộc Sán Diêu dùng rễ cây để diệt chuột, nhưng lại dùng cả cây để sắc nước ngâm chữa viêm họng; Ba đậu (*Croton tiglium*) thân làm duốc cá, hạt làm thuốc trừ sâu, trong khi hạt lại dùng để chữa ghẻ lở, mụn nhọt; lá cây Lim (*Erythrophleum fordii*) rất độc nhưng được sử dụng để chữa ghê, diệt chấy rận; lá cây Niệt gió (*Wikstroemia indica*) rất độc nhưng được dùng chữa mụn nhọt; hạt của cây Bò kết (*Gleditsia australis*) rất độc khi đốt có tác dụng chữa cảm mạo...

3.4. Các loài thực vật bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng được cộng đồng sử dụng làm thuốc

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận, các loài cây thuốc được cộng đồng dân tộc thiểu số vùng núi Tam Đảo sử dụng có 9 loài có tên trong sách đỏ Việt Nam (2007), 11 loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; 02 loài thuộc Phụ lục Công ước CITES (bảng 4).

Bảng 4. Các loài cây thuốc bị đe dọa tuyệt chủng

Stt	Tên loài	Phân hạng		
		NĐ 06/2019	CITES	SDVN (2007)
1	Kim tuyến (<i>Anoectochilus roxburghii</i>)	IIA	Phụ lục II	
2	Lá khô (<i>Ardisia silvestris</i>)			VU
3	Trầu tiên (<i>Asarum glabrum</i>)	IIA		VU
4	Cầu tích (<i>Cibotium barometz</i>)	IIA	Phụ lục II	
5	Đang sâm (<i>Codonopsis javanica</i>)	IIA		VU
6	Cốt toái bồ (<i>Drynaria bonii</i>)	IIA		VU
7	Thiên lý hương (<i>Embelia parviflora</i>)			VU
8	Lim (<i>Erythrophleum fordii</i>)	IIA		
9	Hoàng đằng (<i>Fibraurea recisa</i>)	IIA		
10	Bồ bèo (<i>Goniotalamus vietnamensis</i>)			VU
11	Giảo cổ lam (<i>Gynostemma pentaphyllum</i>)			EN
12	Na rừng (<i>Kadsura coccinea</i>)	IIA		
13	Rau sắng (<i>Melientha suavis</i>)			VU
14	Bảy lá một hoa (<i>Paris dunniana</i>)			
15	Bình vôi đỏ (<i>Stephania dielsiana</i>)	IIA		VU
16	Bình vôi (<i>Stephania rotunda</i>)	IIA		

Ngoài các loài thực vật bị đe dọa, có nguy cơ tuyệt chủng như trình bày ở trên, các loài cây thuốc của cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực nghiên cứu còn có 1 loài thực vật đặc hữu là Trà

vàng tam đảo (*Camellia tamdaoensis*) hiện đã bị khai thác cạn kiệt. Bảng 5 thể hiện tọa độ bắt gặp của các loài nêu trên được chúng tôi điều tra và ghi nhận.

Bảng 5. Tọa độ địa lý và các điểm thu mẫu các loài quý hiếm và đặc hữu

Stt	Tên loài	Vị trí	Tọa độ
1	<i>Asarum glabrum</i>	Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'50"/E:105°38'45"
		Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'53"/E:105°38'45"
2	<i>Ardisia silvestris</i>	Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'50"/E:105°38'45"
		Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'52"/E:105°38'45"
		Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'52"/E:105°38'43"
3	<i>Embelia parviflora</i>	Tam Quang, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'50"/E:105°38'46"
4	<i>Gynostemma pentaphyllum</i>	Quần Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	N:21°27'40"/E:105°38'58"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'30"/E:105°35'12"
5	<i>Anoectochilus roxburghii</i>	Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'7"/E:105°38'54"
		Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'5"/E:105°38'54"
6	<i>Kadsura coccinea</i>	Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°26'58"/E:105°38'57"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23.3"/E:105°36'02.1"
		Ngọc Thanh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	N:21°24'02.2"/E:105°42'49.5"
7	<i>Stephania rotunda</i>	Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'0"/E:105°38'47"
		Hồ Sơn, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°26'25"/E:105°36'56"
		Hồ Sơn, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°26'18"/E:105°36'55"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'30"/E:105°35'12"
8	<i>Cibotium barometz</i>	Hồ Sơn, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°26'23"/E:105°36'55"
		Ngọc Thanh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	N:21°24'02.2"/E:105°42'49.5"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23"/E:105°35'21"
9	<i>Paris dunniana</i>	Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°26'57.5"/E:105°38'43.3"
		Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'20"/E:105°38'41"
10	<i>Codonopsis javanica</i>	Tam Đảo, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'30"/E:105°38'40"
11	<i>Drynaria bonii</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'29.5"/E:105°36'49"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23.3"/E:105°36'02.1"
12	<i>Goniotalamus vietnamensis</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'29.5"/E:105°36'49"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23.3"/E:105°36'02.1"
13	<i>Erythrophleum fordii</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'17.1"/E:105°33'20.0"
		Gần văn phòng VQG. Tam Đảo	N:21°25'3.1"/E:105°37'13.3"
		Ngọc Thanh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	N:21°23'05.2"/E:105°42'40.7"
14	<i>Fibraurea recisa</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23"/E:105°35'21"
15	<i>Stephania dielsiana</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°27'30"/E:105°35'12"
16	<i>Melientha suavis</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23"/E:105°35'21"
17	<i>Camellia tamdaoensis</i>	Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'23"/E:105°35'21"
		Đại Đình, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	N:21°28'42.2"/E:105°36'49"

Từ tọa độ bắt gặp các loài cây thuốc quý hiếm, bị đe dọa, các loài đặc hữu được cộng đồng dân tộc thiểu số vùng núi Tam Đảo sử dụng, chúng tôi xây dựng sơ đồ cho các loài như hình 1. Từ bản đồ phân bố thấy rằng, tất cả các loài thực vật quý hiếm, bị đe dọa và các loài đặc hữu nói trên đều có phân bố trong ranh giới VQG Tam Đảo. Nơi bắt gặp của các loài cây thuốc trên chủ yếu gần khu vực dân cư, nơi cộng đồng các dân tộc tập trung sinh sống. Bản đồ phân bố các loài cây thuốc quý hiếm, loài bị đe dọa và loài đặc hữu cung cấp cơ sở phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ các loài thực vật nói chung và cây thuốc bị đe dọa nói riêng trong khu vực nghiên cứu.

4. Kết luận

Cây thuốc và cây có độc của cộng đồng dân tộc thiểu số (Sán Dìu, Dao, Cao La...) vùng núi Tam Đảo gồm có 253 loài, thuộc 4 ngành: Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Hạt trần (Gymnospermae) và ngành Hạt kín (Angiospermae). Trong đó ngành Hạt kín chiếm ưu thế với 89 họ, 191 chi và 245 loài. Trong số đó, có 15 loài bị đe dọa tuyệt chủng và 2 loài đặc hữu.

Về kinh nghiệm sử dụng của cộng đồng dân tộc, cây thuốc chữa các bệnh xương khớp có tỉ lệ cao nhất (22,09%), tiếp đến là bệnh về đường tiêu hóa với tỉ lệ 21,29%, chữa bệnh về gan chiếm tỉ lệ 19,28%, bệnh thận chiếm tỉ lệ 14,06%. Các nhóm bệnh còn lại như viêm đường tiết niệu, liệt nửa người, teo não, tổ đỉa, zonal thần kinh có tỉ lệ khoảng 23,27% tổng số loài. Bộ phận được dùng nhiều nhất là thân, tiếp theo là lá, toàn cây, rễ, các bộ phận khác ít được sử dụng hơn.

Trong khu vực nghiên cứu, ghi nhận 9 loài cây độc được cộng đồng các dân tộc sử dụng phổ biến làm thuốc và các mục đích khác.

Có 17 loài cây thuốc quý hiếm, bị đe dọa, loài đặc hữu được cộng đồng các dân tộc vùng núi Tam Đảo sử dụng được xây dựng bản đồ bắt gặp, các loài chủ yếu phân bố gần các khu dân cư nơi có cộng đồng các dân tộc sinh sống, và chúng nằm trong gianh giới VQG Tam Đảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. V. T. Do, "Research on scientific basis to conservation and sustainable development of medicinal plant resources in Tam Dao National Park," Doctoral thesis, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi, 2013, 151 pp.
- [2]. T. T. H. Le, T. N. A. Tran, T. N. Y. Nguyen, T. T. Nguyen, and N. T. Nguyen, "Situation of precious and rare drug species in Thai Nguyen province," *VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology*, vol. 28, pp. 173-194, 2012.
- [3]. T. T. H. Le, and T. T. Nguyen, "The Knowledge and Experience of the Medicinal Plants Using of Minorities Ethnic in Thái Nguyên Province for Conservation and Sustainable Development," *VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology*, vol. 32, no. 1, pp. 55-64, 2016.
- [4]. T. T. H. Le, T. T. H. Dao, N. T. Nguyen, and T. T. Nguyen, "Investigation of medicinal plants and experiences of using medicinal plants of san chi ethnic minority at Phu Dinh commune, Dinh Doa district, Thai Nguyen province," *Proceeding of the 5th National Scientific Conference on Ecology and Biological resources*, Agriculture Publishing House, Hanoi, 2013, pp. 1086-1094.
- [5]. G. J. Martin, *Ethnobotany*. Agriculture Publishing House, Hanoi, 2002, 363 pp. (Translator: Tran V. O, Phan B. N, Tran C. K, Tran K. B, Tran D. L).
- [6]. T. D. Nguyen (editor), *Medicinal research from herbal medicine*. Science and Technics Publishing House, Hanoi, 2006, pp. 33-60.
- [7]. Ministry of Health, *Decision No. 1122/QĐ-BYT On the promulgation the code of shared lists applicable to Medical examination, Treatment and Health insurance payment*, 2016.
- [8]. PROSEA, *Plant Resources of South-East Asia: Medicinal and Poisonous Plants*. Backhuys Publishers, Leiden, 1999-2003, vol. 12(1-3), pp. 711, 785, and 644.
- [9]. N. T. Nguyen, *Plant research methods*. Vietnam National University Press, Hanoi, 2007, 171 pp.
- [10]. The Government, *Decree No. 06/2019/ND-CP On the management of endangered, precious and rare forest plants and animals and implementation of the Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora*, 2009.
- [11]. Ministry of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, *Vietnam Red Data Book-Part II. Plants*. Publishing House for Science and Technology, Hanoi, 2007, 611 pp.